

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 39

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300483319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2015, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT của Bộ Y Tế. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 9 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Ngày 6 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã chứng khoán CDP.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 262L Đường Lê Văn Sỹ, Phường Nhiều Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có sáu (6) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch
Ông Bùi Hữu Hiền	Thành viên
Ông Phạm Thử Triệu	Thành viên
Bà Lữ Thị Khánh Trân	Thành viên
Bà Hà Lan Anh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng ban
Ông Trương Chí Thiện	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Thanh Bình	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Mai Hương	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025
Ông Bùi Hữu Hiền	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Thùy Hương	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2025
Bà Đình Thị Khởi	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Mai Hương	từ ngày 24 tháng 4 năm 2025
Ông Bùi Hữu Hiền	đến ngày 23 tháng 4 năm 2025

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có công ty con đến ngày 25 tháng 6 năm 2025 như được trình bày tại Thuyết minh số 4 báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 để ngày 26 tháng 8 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:


Phạm Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12210159/69194633-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty"), được lập ngày 22 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3458-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A.TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.099.546.400.377	1.932.097.472.420
110	I. Tiền	5	21.169.678.782	20.839.104.211
111	1. Tiền		21.169.678.782	20.839.104.211
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.110.273.006.790	1.011.776.876.823
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	1.044.290.306.682	981.270.760.176
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	18.295.379.017	18.251.158.959
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	82.530.723.959	48.007.819.080
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(34.843.402.868)	(35.752.861.392)
140	III. Hàng tồn kho	9	957.420.026.791	885.384.170.267
141	1. Hàng tồn kho		967.480.186.263	890.906.558.017
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(10.060.159.472)	(5.522.387.750)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		10.683.688.014	14.097.321.119
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	559.854.561	1.090.909.101
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.063.549.520	13.006.412.018
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	60.283.933	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		193.580.181.209	206.816.411.350
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		650.000.000	650.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	650.000.000	650.000.000
220	II. Tài sản cố định		157.326.729.173	164.381.212.491
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	80.092.795.212	85.707.370.414
222	Nguyên giá		185.031.323.699	187.956.014.815
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(104.938.528.487)	(102.248.644.401)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	77.233.933.961	78.673.842.077
228	Nguyên giá		97.704.403.845	97.704.403.845
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(20.470.469.884)	(19.030.561.768)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		532.355.455	315.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	532.355.455	315.000.000
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	32.992.893.387	39.712.893.387
251	1. Đầu tư vào công ty con	4	-	16.587.396.125
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		3.520.408.664	3.520.408.664
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		29.472.484.723	29.472.484.723
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(9.867.396.125)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.078.203.194	1.757.305.472
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	2.078.203.194	1.757.305.472
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.293.126.581.586	2.138.913.883.770

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024


VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.077.558.041.250	1.917.466.114.237
310	I. Nợ ngắn hạn		2.048.384.287.475	1.888.267.538.425
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	1.039.350.740.691	996.223.876.429
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	14.273.685.511	14.815.414.612
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.618.348.937	1.924.084.965
314	4. Phải trả người lao động		2.280.754.285	9.109.888.013
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.040.274.520	3.596.580.335
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		49.644.026	49.643.929
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	30.130.754.847	8.980.244.178
320	8. Vay ngắn hạn	19	957.962.376.429	851.919.198.962
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	677.708.229	1.648.607.002
330	II. Nợ dài hạn		29.173.753.775	29.198.575.812
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		173.753.775	198.575.812
338	2. Vay dài hạn	19	29.000.000.000	29.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		215.568.540.336	221.447.769.533
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	215.568.540.336	221.447.769.533
411	1. Vốn cổ phần		182.700.000.000	182.700.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		182.700.000.000	182.700.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(586.200.000)	(586.200.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.071.115.794	9.071.115.794
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		24.383.624.542	30.262.853.739
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		12.643.451.512	10.633.209.209
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		11.740.173.030	19.629.644.530
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.293.126.581.586	2.138.913.883.770

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2025


 Chu Thị Bích Hồng
 Người lập


 Nguyễn Triệu Ngọc Thuận
 Kế toán trưởng


 Phạm Thị Mai Hương
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.483.961.467.409	1.571.365.950.983
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(7.416.621.380)	(2.955.082.981)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.476.544.846.029	1.568.410.868.002
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23, 27	(1.377.620.021.819)	(1.456.377.288.511)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		98.924.824.210	112.033.579.491
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	14.096.224.207	12.482.188.695
22 23	7. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	25	(27.213.025.682) (21.760.908.402)	(26.034.106.210) (19.041.158.850)
25	8. Chi phí bán hàng	24, 27	(56.006.207.347)	(55.785.382.121)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24, 27	(15.469.195.145)	(25.915.319.030)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.332.620.243	16.780.960.825
31	11. Thu nhập khác	26	468.016.617	435.742.077
32	12. Chi phí khác	26	(292.017.844)	(346.473.515)
40	13. Lợi nhuận khác	26	175.998.773	89.268.562
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.508.619.016	16.870.229.387
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(2.768.445.986)	(3.440.385.657)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		11.740.173.030	13.429.843.730

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2025

Chu Thị Bích Hồng
Người lập

Nguyễn Triệu Ngọc Thuận
Kế toán trưởng

Phạm Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.508.619.016	16.870.229.387
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	7.105.305.188	7.178.838.296
03	Dự phòng	27	7.419.514.575	8.106.430.075
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.974.479.288)	1.767.113.857
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(480.612.975)	(288.267.975)
06	Chi phí lãi vay	25	21.760.908.402	19.041.158.850
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		48.339.254.918	52.675.502.490
09	Tăng các khoản phải thu		(94.704.092.878)	(42.144.748.917)
10	Tăng hàng tồn kho		(80.364.829.623)	(41.009.353.088)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		40.673.443.802	(90.040.486.348)
12	Giảm chi phí trả trước		210.156.818	1.722.930.975
14	Tiền lãi vay đã trả		(21.469.448.018)	(19.727.542.103)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(3.168.405.134)	(2.439.470.548)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.202.381.000)	(1.821.799.998)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(112.686.301.115)	(142.784.967.537)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(317.855.455)	(3.446.771.329)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		516.974.747	667.169.022
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.720.000.000	-
27	Lãi tiền gửi nhận được		13.316.358	15.886.947
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		6.932.435.650	(2.763.715.360)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	19	1.372.839.854.520	1.269.819.027.903
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(1.266.796.677.053)	(1.156.378.759.195)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		106.043.177.467	113.440.268.708

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		289.312.002	(32.108.414.189)
60	Tiền đầu kỳ	5	20.839.104.211	50.273.990.216
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		41.262.569	(206.960.002)
70	Tiền cuối kỳ	5	21.169.678.782	17.958.616.025

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2025


Chu Thị Bích Hồng
Người lập


Nguyễn Triệu Ngọc Thuận
Kế toán trưởng



Phạm Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300483319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2015, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT của Bộ Y Tế. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 9 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Ngày 6 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã chứng khoán CDP.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 262L Đường Lê Văn Sỹ, Phường Nhiều Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có sáu (6) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 380 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 400).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có một công ty con cho đến ngày 25 tháng 6 năm 2025 như được trình bày tại Thuyết minh số 4 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 để ngày 22 tháng 8 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và chi phí liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định vô hình và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu hao theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 12 năm
Quyền sử dụng đất	30 - 50 năm
Phần mềm máy tính	10 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng vô thời hạn không cần trích khấu hao	

3.7 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được ghi nhận như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng Quản trị Công ty.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỲ

Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại công ty con - Công ty TNHH Dược phẩm Codupha - Lào

Vào ngày 25 tháng 6 năm 2025, theo Công bố thông tin số 667/CDP/2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, tương đương 93,7% vốn điều lệ của Công ty tại Công ty TNHH Dược phẩm Codupha - Lào (mã số doanh nghiệp: 01-00007118, địa chỉ: Bản Xiengda, Quận Saysettha, Thủ đô Vientiane, Lào) và không còn là cổ đông, công ty mẹ của Công ty TNHH Dược phẩm Codupha - Lào.

5. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	169.185.477	350.014.410
Tiền gửi ngân hàng	21.000.493.305	20.489.089.801
TỔNG CỘNG	21.169.678.782	20.839.104.211

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu từ khách hàng	1.044.290.306.682	981.270.760.176
Công ty TNHH Dược phẩm An Vương	116.308.289.439	177.271.677.134
Công ty TNHH Dược phẩm Khun Thắng	112.256.201.600	102.299.153.275
Khác	815.725.815.643	701.699.929.767
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 8)	(30.672.910.344)	(31.616.948.811)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.013.617.396.338	949.653.811.365

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 19*, Công ty đã thể chấp một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty TNHH Vật tư Thiết bị Y tế Thịnh Phát	6.564.504.000	-
Innatel Inc.,	3.269.185.921	-
Công ty TNHH Thương mại Và Dịch vụ VMED	3.257.163.000	3.257.163.000
Khác	5.204.526.096	14.993.995.959
TỔNG CỘNG	18.295.379.017	18.251.158.959
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 8)	(255.881.685)	(278.011.205)
GIÁ TRỊ THUẦN	18.039.497.332	17.973.147.754

7. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	82.530.723.959	48.007.819.080
Phải thu từ hỗ trợ bán hàng	31.893.202.357	29.164.537.400
Tiền hàng ủy thác trả hộ	28.979.122.428	-
Phải thu từ dịch vụ phân phối và lưu kho	11.305.313.622	5.050.494.134
Tiền hàng ủy thác nhập khẩu	2.914.411.089	5.301.389.853
Ký quỹ, ký cược	2.400.965.778	2.021.096.333
Tạm ứng cho nhân viên	2.391.405.760	3.730.080.545
Lãi phạt trả chậm	1.084.088.667	1.372.947.026
Khác	1.562.214.258	1.367.273.789
Dài hạn	650.000.000	650.000.000
Ký cược, ký quỹ	650.000.000	650.000.000
TỔNG CỘNG	83.180.723.959	48.657.819.080
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi (Thuyết minh số 8)	(3.914.610.839)	(3.857.901.376)
GIÁ TRỊ THUẦN	79.266.113.120	44.799.917.704

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. NỢ QUÁ HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2024			VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	40.718.187.031	(30.672.910.344)	10.045.276.687	41.863.155.512	(31.616.948.811)	10.246.206.701	
Công ty TNHH Thương mại							
Dược phẩm Mi Nguyễn	19.954.092.956	(14.890.295.901)	5.063.797.055	19.954.092.956	(14.675.102.753)	5.278.990.203	
Công ty TNHH Dược phẩm Kim Châu	4.086.849.776	(4.086.849.776)	-	4.086.849.776	(4.086.849.776)	-	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hiệp							
Bách Niên	3.543.033.894	(1.501.243.197)	2.041.790.697	5.183.291.111	(2.436.511.787)	2.746.779.324	
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế							
Hoàng An	2.908.892.308	(2.908.892.308)	-	2.908.892.308	(2.908.892.308)	-	
Trung tâm Y tế Quận 10	1.046.839.544	(1.046.839.544)	-	1.046.839.544	(1.046.839.544)	-	
Các khách hàng khác	9.178.478.553	(6.238.789.618)	2.939.688.935	8.683.189.817	(6.462.752.643)	2.220.437.174	
Phải thu ngắn hạn khác	3.914.610.839	(3.914.610.839)	-	3.914.610.839	(3.857.901.376)	56.709.463	
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị							
Y tế An Phát	2.610.867.617	(2.610.867.617)	-	2.610.867.617	(2.610.867.617)	-	
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu							
Vật liệu Xây dựng Hải Đăng Koko	816.000.000	(816.000.000)	-	816.000.000	(816.000.000)	-	
Công ty TNHH Thương mại Dược							
phẩm Mi Nguyễn	487.743.222	(487.743.222)	-	487.743.222	(431.033.759)	56.709.463	
Trả trước cho người bán ngắn hạn	255.881.685	(255.881.685)	-	278.011.205	(278.011.205)	-	
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế							
Hoàng An	255.881.685	(255.881.685)	-	278.011.205	(278.011.205)	-	
TỔNG CỘNG	44.888.679.555	(34.843.402.868)	10.045.276.687	46.055.777.556	(35.752.861.392)	10.302.916.164	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. NỢ QUÁ HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác được trình bày như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	35.752.861.392	24.961.572.180
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	2.232.910.586	7.259.664.961
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(3.142.369.110)	(189.658.218)
Số cuối kỳ	34.843.402.868	32.031.578.923

Công ty chưa ghi nhận các khoản phải thu về lãi trả chậm trị giá 4.370.800.511 VND phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu do chưa có cơ sở chắc chắn về khả năng thu hồi.

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Hàng hóa	852.084.627.366	855.487.896.708
Hàng mua đang đi đường	115.395.558.897	35.418.661.309
TỔNG CỘNG	967.480.186.263	890.906.558.017
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.060.159.472)	(5.522.387.750)
GIÁ TRỊ THUẦN	957.420.026.791	885.384.170.267

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 19*, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trình bày như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	5.522.387.750	4.396.909.917
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	12.361.929.820	7.302.513.785
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(4.032.956.721)	(6.266.090.453)
Trừ: Sử dụng dự phòng trong kỳ	(3.791.201.377)	(334.375.436)
Số cuối kỳ	10.060.159.472	5.098.957.813

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	559.854.561	1.090.909.101
Chi phí thuê	545.454.561	1.090.909.101
Khác	14.400.000	-
Dài hạn	2.078.203.194	1.757.305.472
Chi phí bảo trì, sửa chữa	1.841.474.541	1.757.305.472
Khác	236.728.653	-
TỔNG CỘNG	<u>2.638.057.755</u>	<u>2.848.214.573</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quân lý	Khác	Tổng cộng
VND						
Nguyên giá:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	95.966.408.877	49.443.881.644	39.063.148.706	3.424.768.125	57.807.463	187.956.014.815
Mua mới trong kỳ	-	100.500.000	-	-	-	100.500.000
Thanh lý	-	(701.339.100)	(2.323.852.016)	-	-	(3.025.191.116)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	95.966.408.877	48.843.042.544	36.739.296.690	3.424.768.125	57.807.463	185.031.323.699
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	7.163.447.078	12.649.737.432	15.401.066.521	2.480.332.618	57.807.463	37.752.391.112
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	37.126.829.972	35.886.559.029	26.237.956.809	2.939.491.128	57.807.463	102.248.644.401
Khấu hao trong kỳ	2.183.525.100	2.269.788.180	1.136.685.434	75.398.358	-	5.665.397.072
Thanh lý	-	(651.660.970)	(2.323.852.016)	-	-	(2.975.512.986)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	39.310.355.072	37.504.686.239	25.050.790.227	3.014.889.486	57.807.463	104.938.528.487
Giá trị còn lại:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	58.839.578.905	13.557.322.615	12.825.191.897	485.276.997	-	85.707.370.414
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	56.656.053.805	11.338.356.305	11.688.506.463	409.878.639	-	80.092.795.212



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	VND Tổng cộng
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2025	95.082.437.845	2.621.966.000	97.704.403.845
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	558.677.536	-	558.677.536
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	17.598.928.902	1.431.632.866	19.030.561.768
Hao mòn trong kỳ	1.269.836.514	170.071.602	1.439.908.116
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	18.868.765.416	1.601.704.468	20.470.469.884
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	77.483.508.943	1.190.333.134	78.673.842.077
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	76.213.672.429	1.020.261.532	77.233.933.961

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 19*, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 31.786.299.060 VND, tọa lạc tại 132A, đường Nguyễn Văn Cừ nổi dài, phường Tân An, Thành phố Cần Thơ (địa chỉ trước đây là 132A, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ) để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phần mềm quản lý hàng tồn kho và bán hàng	231.000.000	165.000.000
Khác	301.355.455	150.000.000
TỔNG CỘNG	532.355.455	315.000.000

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 14.1</i>)	-	16.587.396.125
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 14.2</i>)	3.520.408.664	3.520.408.664
Đầu tư vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 14.3</i>)	29.472.484.723	29.472.484.723
TỔNG CỘNG	32.992.893.387	49.580.289.512
Dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	(9.867.396.125)
GIÁ TRỊ THUẦN	32.992.893.387	39.712.893.387

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty con

Vào ngày 25 tháng 6 năm 2025, theo Công bố thông tin số 667/CDP/2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, tương đương 93,7% vốn điều lệ của Công ty tại Công ty TNHH Dược phẩm Codupha - Lào (mã số doanh nghiệp: 01-00007118, địa chỉ: Bản Xiengda, Quận Saysettha, Thủ đô Việtiiane, Lào) và không còn là cổ đông, công ty mẹ của Công ty TNHH Dược phẩm Codupha - Lào.

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VNI
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Phân phối thuốc	Đang hoạt động	30	3.520.408.664	30	3.520.408.664

14.3 Đầu tư vào đơn vị khác

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương (*)	Bất động sản	Đang hoạt động	3,68	22.983.000.000	3,68	22.983.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương (*)	Bất động sản	Đang hoạt động	3,82	6.017.000.000	3,82	6.017.000.000
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	Phân phối thuốc	Đang hoạt động	0,86	472.484.723	0,86	472.484.723
TỔNG CỘNG				29.472.484.723		29.472.484.723

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.3 Đầu tư vào đơn vị khác (tiếp theo)

(*) Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 19*, Công ty đã thế chấp toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương để đảm bảo cho các khoản vay.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các đơn vị khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác giá trị còn lại trên sổ sách của Công ty.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Số có khả năng trả nợ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải trả các bên khác	1.038.285.105.794	994.921.054.894
Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	207.188.402.032	228.034.625.325
Novapri Lifescience Private Limited	125.816.838.394	104.218.476.026
Khác	705.279.865.368	662.667.953.543
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	1.065.634.897	1.302.821.535
TỔNG CỘNG	1.039.350.740.691	996.223.876.429

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty TNHH Thương Mại Quốc Tế Ngọc Mỹ	3.639.404.000	-
Trung Tâm Y Tế Quân Dân Y Phú Quý	3.313.991.094	-
Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Trường Tôn	2.051.561.583	3.378.237.903
Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Các Công Trình Dân Dụng Và Công Nghiệp Tỉnh Trà Vinh	1.872.839.020	1.872.839.020
Khác	3.395.889.814	9.564.337.689
TỔNG CỘNG	14.273.685.511	14.815.414.612

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Số phải nộp trong kỳ	Số đã khấu trừ trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	
	Phải thu	Phải trả				Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng - hàng nội địa	-	-	(83.005.557.774)	82.615.655.387	291.396.145	-	(98.506.242)
Thuế giá trị gia tăng - hàng nhập khẩu	-	(5.386.196)	(21.308.755.634)	-	21.374.425.763	60.283.933	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	(3.137.587)	(2.165.138.356)	-	2.168.275.943	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(1.548.860.088)	(2.768.445.986)	-	3.168.405.134	-	(1.148.900.940)
Thuế thu nhập cá nhân	-	(366.701.094)	(860.696.796)	-	1.022.523.079	-	(204.874.811)
Các loại thuế khác	-	-	(208.066.944)	-	42.000.000	-	(166.066.944)
TỔNG CỘNG	-	(1.924.084.965)	(110.316.661.490)	82.615.655.387	28.067.026.064	60.283.933	(1.618.348.937)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí lãi vay	899.939.381	608.478.997
Chi phí dịch vụ mua ngoài	333.342.418	1.621.250.000
Chi phí nhân viên	232.571.000	487.464.000
Khác	574.421.721	879.387.338
TỔNG CỘNG	2.040.274.520	3.596.580.335

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cổ tức phải trả	16.335.806.977	123.735.165
Nhận ủy thác nhập khẩu	10.920.714.201	6.578.410.880
Nhận ký quỹ, ký cược	270.356.128	479.001.586
Khác	2.603.877.541	1.799.096.547
TỔNG CỘNG	30.130.754.847	8.980.244.178

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024/ Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025/ Số có khả năng trả nợ
				VND
Vay ngắn hạn	851.919.198.962	1.372.839.854.520	(1.266.796.677.053)	957.962.376.429
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	851.322.198.960	1.372.839.854.520	(1.266.796.677.053)	957.365.376.427
Vay cá nhân	597.000.002	-	-	597.000.002
Vay dài hạn	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000
Vay bên khác (Thuyết minh số 19.2)	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000
TỔNG CỘNG	880.919.198.962	1.372.839.854.520	(1.266.796.677.053)	986.962.376.429

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Vay ngắn hạn từ các ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh 5, 8 và 11)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	469.456.321.243 VND	Từ ngày 13 tháng 8 năm 2025 đến ngày 29 tháng 12 năm 2025	5.2	Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng của Công ty trị giá 280.000.000.000 VND và một phần hàng hóa tồn kho luân chuyển bình quân trị giá 240.000.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	175.916.566.850	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2025 đến ngày 9 tháng 11 năm 2025	Từ 5.0 đến 5.2	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam	165.795.486.858	Từ ngày 24 tháng 7 năm 2025 đến ngày 1 tháng 12 năm 2025	5.4	Hàng tồn kho luân chuyển không bảo vệ chốt giữ và khoản phải thu luân chuyển với giá trị tối thiểu 334.000.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	106.189.548.916	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2025 đến ngày 19 tháng 12 năm 2025	5.2	Hàng hóa tồn kho luân chuyển do Công ty tự quản lý với giá trị tối thiểu 150.000.000.000 VND và quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng của Công ty với giá trị tối thiểu 150.000.000.000 VND và Quyền sử dụng đất tọa lạc tại 132A, đường Nguyễn Văn Cừ nối dài, phường Tân An, thành phố Cần Thơ (trước đây là 132A, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	29.824.697.670	Ngày 29 tháng 12 năm 2025	5.2	Hàng hóa tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty tại Lô số 9 – Khu công nghiệp Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội với tổng giá trị 62.000.000.000 VND và
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	10.182.754.890	Ngày 29 tháng 12 năm 2025	5.2	quyền đòi nợ phát sinh từ các khoản phải thu hoặc quyền đòi nợ luân chuyển với tổng giá trị 78.000.000.000 VND
TỔNG CỘNG	957.365.376.427			



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn khác

Công ty thực hiện khoản vay này nhằm tài trợ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương (Thuyết minh số 14.2). Chi tiết như sau:

Công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 14)
	VND			
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Hoa Lâm	29.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	-	Toàn bộ cổ phần thuộc quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương

20. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	1.648.607.002	-
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.231.482.227	1.821.799.998
Sử dụng quỹ trong kỳ	(2.202.381.000)	(1.821.799.998)
Số cuối kỳ	677.708.229	-

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

Vốn cổ phần					Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024								
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	182.700.000.000		(586.200.000)		9.071.115.794	19.737.609.209	210.922.525.003	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-		-		-	13.429.843.730	13.429.843.730	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-		-		-	(1.821.799.998)	(1.821.799.998)	
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	182.700.000.000		(586.200.000)		9.071.115.794	31.345.652.941	222.530.568.735	
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025								
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	182.700.000.000		(586.200.000)		9.071.115.794	30.262.853.739	221.447.769.533	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-		-		-	11.740.173.030	11.740.173.030	
Phân phối cổ tức (*)	-		-		-	(16.387.920.000)	(16.387.920.000)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-		-		-	(1.231.482.227)	(1.231.482.227)	
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	182.700.000.000		(586.200.000)		9.071.115.794	24.383.624.542	215.568.540.336	

(*) Trong kỳ, Công ty đã công bố chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2024 cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/2025/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 6 năm 2025 với giá trị là 16.387.920.000 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Vốn cổ phần đã góp		
Ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2025	182.700.000.000	182.700.000.000
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	16.387.920.000	-

21.3 Cổ phiếu phổ thông

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cổ phiếu Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cổ phiếu được phép phát hành	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(61.200)	(61.200)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.208.800	18.208.800

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

21.4 Chi tiết vốn cổ phần

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	121.225.000.000	66	121.225.000.000	66
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	34.700.000.000	19	34.700.000.000	19
Các cổ đông khác	26.775.000.000	15	26.775.000.000	15
TỔNG CỘNG	182.700.000.000	100	182.700.000.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tổng doanh thu	1.483.961.467.409	1.571.365.950.983
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	1.453.824.623.474	1.552.067.843.623
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.136.843.935	19.298.107.360
Các khoản giảm trừ doanh thu	(7.416.621.380)	(2.955.082.981)
Hàng bán trả lại	(5.981.742.702)	(1.854.547.612)
Chiết khấu thương mại	-	(1.039.546.397)
Giảm giá hàng bán	(1.434.878.678)	(60.988.972)
DOANH THU THUẦN	1.476.544.846.029	1.568.410.868.002
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	1.446.408.002.094	1.549.112.760.642
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.136.843.935	19.298.107.360

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.276.077.371	4.752.630.995
Chiết khấu thanh toán được hưởng	4.656.059.844	5.568.831.638
Lãi chậm thanh toán phải thu khách hàng	1.150.770.634	2.144.839.115
Lãi tiền gửi ngân hàng	13.316.358	15.886.947
TỔNG CỘNG	14.096.224.207	12.482.188.695

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Giá vốn hàng bán	1.365.914.476.384	1.453.028.936.226
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8.328.973.099	1.036.423.332
Giá vốn dịch vụ cung cấp	3.376.572.336	2.311.928.953
TỔNG CỘNG	1.377.620.021.819	1.456.377.288.511

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí bán hàng	56.006.207.347	55.785.382.121
Chi phí nhân viên	29.825.437.112	31.321.365.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.195.797.574	8.931.485.088
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.152.000.438	6.254.074.172
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.318.768.398	1.355.665.329
Chi phí bán hàng khác	9.514.203.825	7.922.791.901
Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.469.195.145	25.915.319.030
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.168.621.373	9.994.365.791
Chi phí nhân viên	1.474.195.453	1.503.265.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	895.301.892	866.761.266
Chi phí dụng cụ quản lý	659.363.210	189.107.727
Thuế, phí và lệ phí	263.297.801	27.875.170
(Hoàn nhập) trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(909.458.524)	7.070.006.743
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.917.873.940	6.263.937.333
TỔNG CỘNG	71.475.402.492	81.700.701.151

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí lãi vay	21.760.908.402	19.041.158.850
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.334.651.471	6.992.947.360
Khác	117.465.809	-
TỔNG CỘNG	27.213.025.682	26.034.106.210

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thu nhập khác	468.016.617	435.742.077
Lãi thanh lý tài sản	467.296.617	272.381.028
Khác	720.000	163.361.049
Chi phí khác	(292.017.844)	(346.473.515)
Phạt vi phạm hành chính	(114.223.844)	(62.092.600)
Chi phí khác	(177.794.000)	(284.380.915)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	175.998.773	89.268.562

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí hàng hóa	1.365.914.476.384	1.453.028.936.226
Chi phí nhân viên	31.299.632.565	32.824.630.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.740.991.283	21.237.779.832
Chi phí dự phòng	7.419.514.575	8.106.430.075
Chi phí khấu hao và hao mòn	7.047.302.330	7.120.835.438
Khác	18.673.507.174	15.759.377.460
TỔNG CỘNG	1.449.095.424.311	1.538.077.989.662

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.768.445.986	3.440.385.657

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.508.619.016	16.870.229.387
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	447.017.645	331.698.897
Thù lao HĐQT và BKS không chuyên trách	410.967.645	199.698.897
	36.050.000	132.000.000
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Hoàn nhập dự phòng phải thu khách hàng	(1.113.406.730)	-
	(1.113.406.730)	-
Lợi nhuận trước thuế ước tính trong năm	13.842.229.931	17.201.928.284
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế 20%	13.842.229.931	17.201.928.284
Lỗ tính thuế	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.768.445.986	3.440.385.657

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách người có liên quan của Công ty được trình bày tại Phụ lục 5 trong Báo cáo tình hình Quản trị số 846/CDP-2025 đã được công bố thông tin đại chúng ngày 24 tháng 7 năm 2025.

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát/ảnh hưởng đáng kể và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Dược phẩm Codupha - Lào	Công ty con đến ngày 25 tháng 6 năm 2025
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Công ty liên kết

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Mua hàng hóa	-	127.736.757
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Mua hàng hóa	-	3.232.680

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Mua hàng hóa	875.553.313	986.099.722
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Mua hàng hóa	190.081.584	310.250.799
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Mua hàng hóa	-	6.471.014
TỔNG CỘNG		1.065.634.897	1.302.821.535

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. **NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát (“BKS”) trong kỳ như sau:

		VND	
		Thu nhập	
Chức vụ		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	480.000.000	480.000.000
Ông Bùi Hữu Hiền	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc đến ngày 18 tháng 4 năm 2025	420.000.000	420.000.000
Bà Phạm Thị Mai Hương	Tổng Giám đốc từ ngày 18 tháng 4 năm 2025	184.090.909	-
Bà Đinh Thị Khởi	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 1 tháng 3 năm 2025	110.000.000	327.930.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Hương	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 2 tháng 6 năm 2025	67.500.000	-
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Bà Hà Lan Anh	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Bà Lữ Thị Khánh Trân	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng BKS	30.000.000	30.000.000
Ông Trương Chí Thiện	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thanh Thanh Bình	Thành viên BKS	12.000.000	4.000.000
TỔNG CỘNG		1.405.590.909	1.363.930.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Bên đi thuê

Công ty hiện đang thuê kho và văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
		VND
Dưới 1 năm	5.765.400.000	7.420.800.000
Từ 2 đến 5 năm	12.276.000.000	14.331.000.000
TỔNG CỘNG	18.041.400.000	21.751.800.000

31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Hàng hóa giữ hộ (đơn vị)		
Hộp	1.183.269	1.095.880
Ống	149.809	9
Cái	71.000	-
Tuýp	59.872	27.877
Chai	29.120	20.100
Khác	19.280	29.438
Ngoại tệ :		
Đô la Mỹ (USD)	625	1.192
Euro (EUR)	317	1.041

32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2025


 Chu Thị Bích Hồng
 Người lập


 Nguyễn Triệu Ngọc Thuận
 Kế toán trưởng


 Phạm Thị Mai Hương
 Tổng Giám đốc

